

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 28/2005/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 2 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thống nhất quản lý các hoạt động
đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 23/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

**Thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại
của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2005/QĐ-TTg
ngày 01 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh).

Điều 2. Nội dung của hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại quy định trong Quy chế này bao gồm các nội dung sau:

1. Các hoạt động giao lưu với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao.
2. Quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài, đoàn quốc tế vào Việt Nam (đoàn vào).
3. Ký kết và thực hiện các thoả thuận quốc tế.
4. Tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế.
5. Tiếp nhận huân chương, huy chương hoặc danh hiệu khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế tặng.
6. Hoạt động đối ngoại liên quan đến biên giới lãnh thổ; giải quyết các tình huống phức tạp trong quan hệ với nước ngoài.
7. Quan hệ kinh tế đối ngoại, trong đó có việc tiếp nhận các dự án nước ngoài.
8. Tổng hợp tình hình và thông tin tuyên truyền đối ngoại.
9. Quản lý các tổ chức, cá nhân người nước ngoài ở địa phương.
10. Bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động đối ngoại

1. Bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, sự quản lý và điều hành thống nhất của Nhà nước về công tác đối ngoại của địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng giữa địa phương và Trung ương, nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.
2. Kết hợp chặt chẽ giữa chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và thông tin liên quan đến đối ngoại ở các tỉnh.
3. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của các ngành, các cấp ở địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao có liên quan đến đối ngoại, bảo đảm sự đồng bộ, kiểm tra, giám sát chặt chẽ.

4. Hoạt động đối ngoại được thực hiện theo chương trình hàng năm đã được duyệt, bảo đảm nghiêm túc chế độ báo cáo, xin ý kiến theo quy định của pháp luật.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC QUYẾT ĐỊNH

VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 4. Thẩm quyền quyết định về hoạt động đối ngoại

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh bao gồm các nội dung cụ thể sau:

- a) Việc đi công tác nước ngoài của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Việc đón tiếp các đoàn cấp cao nước ngoài vào thăm Việt Nam theo lời mời của Ủy ban nhân dân tỉnh từ cấp Bộ trưởng, Tỉnh trưởng của nước ngoài trở lên;
- c) Việc tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;
- d) Việc ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2002/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- đ) Việc Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhận Huân chương, Huy chương và các danh hiệu khác của nước ngoài.
- e) Các hoạt động đối ngoại khác thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tự quyết định và chịu trách nhiệm về các hoạt động đối ngoại của địa phương gồm:

- a) Cử cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý đi công tác nước ngoài theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2000 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam;

- b) Việc mời các đoàn nước ngoài vào thăm, làm việc với tỉnh từ cấp Thứ trưởng, Phó Tỉnh trưởng nước ngoài trở xuống;
- c) Việc tổ chức, hội nghị, hội thảo quốc tế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 122/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;
- d) Việc ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 20/2002/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2002 của Chính phủ về ký kết và thực hiện thoả thuận quốc tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- đ) Việc tiếp nhận, ký kết và thực hiện các dự án của tổ chức phi chính phủ và cá nhân nước ngoài căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.
- e) Việc tiếp nhận huân, huy chương và các danh hiệu khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tặng cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể uỷ quyền quyết định các việc nêu tại khoản 2 Điều này cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi uỷ quyền, chữ ký của người được uỷ quyền, giới thiệu con dấu. Văn bản uỷ quyền được gửi cho Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động quyết định các hoạt động đối ngoại phát sinh thuộc thẩm quyền và cần xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan khác trong các hoạt động đối ngoại liên quan đến các vấn đề nhạy cảm, phức tạp như: tôn giáo, dân tộc, quan hệ đối ngoại với một số đối tác nước ngoài đặc biệt.

5. Việc đi công tác nước ngoài của Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo